

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v : “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - Tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01/8/2019 về việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX-ST ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn N, xã, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Do vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh S thường xuyên cờ bạc, rượu say, hành hung vợ con thậm tệ, đánh đuổi chị. Chị đã gắng chịu đựng và khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh S trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị C từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Anh có say rượu nhưng anh không đánh chị C, anh có đánh bạc thua lỗ, bắt chị C vay tiền không được nên anh có đuổi chị C ra khỏi nhà nhưng anh muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị C xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh S; chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh S không đồng ý ly hôn chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị C được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị C và anh S có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị C và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra xung đột, bất hòa, anh S thường xuyên rượu say, chơi bời cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị C thậm tệ nhiều lần. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nay chị C xin được ly hôn anh S, anh S không đồng ý ly hôn chị C. Việc anh S không đồng ý ly hôn không phải do anh còn yêu thương chị C mà anh muốn gây khó khăn cho chị C trong cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh S thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh S cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có rượu say, đánh bạc và có đuổi chị C ra khỏi nhà; con gái anh S chị C cũng có lời khai xác nhận vợ chồng anh S chị C có nhiều mâu thuẫn, anh S hay đánh chửi chị C, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn anh S là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Chị C và anh S có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập nên không phải giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Chị C và anh S đều không yêu cầu giải quyết về tài sản.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2/ Về con chung: Chị C và anh S có hai con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung H, sinh năm 1999. Cả hai đều đã trưởng thành và tự lập nên không phải giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Chị C và anh S đều không yêu cầu giải quyết về tài sản.

4/ Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004029, ngày 01/8/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị C và anh S. Báo cho chị C và anh S biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung